

Bản án số: 385/2024/DS-ST  
Ngày: 11-12-2024  
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thưa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Thanh Tùng.
- Bà Bùi Thu Hảo.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Gò Công.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Trường Bảo Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2024, về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn:**

1. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1973 (có mặt);

2. Bà Võ Thị Mỹ H, sinh năm 1974 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp F, xã B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 13/8/2024 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ú trình bày: Ngày 07/6/2022 âm lịch, ông Ú có cho ông D và bà H vay 120.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, hai bên có lập hợp đồng cho vay tiền và ông có nhận 12.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay trên.

Đến ngày 07/11/2022 âm lịch, ông Ú có cho ông Nguyễn Văn D và bà Võ Thị H vay thêm 80.000.000 đồng nên gộp chung hai khoản tiền vay tổng số tiền là 200.000.000 đồng, có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị Võ Thị H đứng tên, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng trả vốn, trả lãi hàng tháng. Từ khi vay anh D và chị H không trả vốn và lãi. Nay yêu cầu Tòa án buộc anh D và chị H trả cho ông 200.000.000 đồng tiền vốn và 43.160.000 đồng tiền lãi (lãi suất 1,66%/tháng, thời gian từ ngày vay đến ngày 13/8/2024). Tổng cộng là 243.160.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Ú sẽ trả lại cho ông D bà chị H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06953V-BX do UBND thị xã G cấp ngày 18/8/2008 khi anh D và chị H hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

*Tại bản tự khai và trong quá trình tố tụng bị đơn bà Võ Thị Mỹ H trình bày:* Ngày 07/6/2022 âm lịch, bà có vay của ông Nguyễn Văn Ú số tiền 120.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng trả vốn, lãi suất 2,5%/tháng. Bà đã trả cho ông Ú hai tháng tiền lãi là 3.000.000 đồng, việc trả lãi không có tài liệu gì để chứng minh. Đến ngày 07/8/2022 âm lịch, chị có vay thêm của ông Ú 80.000.000 đồng, cộng với khoản tiền vay trước đó nên lập biên nhận 200.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2,75%/tháng, chị đóng lãi mỗi tháng 5.500.000 đồng cho ông Ú đến ngày 08/01/2024 âm lịch thì ngưng, việc đóng lãi không có gì chứng minh. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Ú thì chị đồng ý trả cho ông Ú số tiền vay còn nợ là 200.000.000 đồng, xin không trả lãi. Hiện nay do hoàn cảnh khó khăn xin được trả dần 3 tháng trả 50.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Yêu cầu ông Ú trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06953V-BX do UBND thị xã G cấp ngày 18/8/2008 khi bà thực hiện xong việc trả nợ.

*Tại bản tự khai và trong quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:* Ông thống nhất lời trình bày của bà Võ Thị Mỹ H. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Ú thì ông đồng ý trả cho ông Ú số tiền vay còn nợ là 200.000.000 đồng, xin không trả lãi. Hiện nay do hoàn cảnh khó khăn xin được trả dần 3 tháng trả 50.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Yêu cầu ông Ú trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06953V-BX do UBND thị xã G cấp ngày 18/8/2008 khi bà thực hiện xong việc trả nợ.

*\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng và quan điểm:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu chưa đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468, 357, 318, 319 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có nơi cư trú tại ấp F, xã B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để tranh chấp tiền nợ vay. Căn cứ vào Điều 463 Bộ luật dân sự nên quan hệ pháp luật là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về số tiền vay: Tại phiên tòa ông Ú và ông D, bà H thống nhất số tiền vay gốc ông D, bà H còn nợ ông Ú theo hợp đồng cho vay tiền ngày 07/6/2022 âm lịch và Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 07/11/2022 âm lịch là 200.000.000 đồng. Ông D, bà H đồng ý trả cho ông Ú số tiền vốn là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Ú là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu trả lãi từ ngày vay là 07/11/2022 âm lịch (30/11/2022 dương lịch) đến ngày 11/12/2024, với mức lãi suất là 1,66 %/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo hợp đồng cho vay tiền ngày 07/6/2022 âm lịch và hợp đồng thế chấp tài sản ngày 07/11/2022 âm lịch các bên thỏa thuận “lãi suất do hai bên tự thỏa thuận”. Quá trình giải quyết vụ án ông Ú cho rằng thỏa thuận lãi suất miệng 2%/tháng và ông chỉ nhận được tổng cộng 12.000.000 đồng tiền lãi đối với khoản vay 120.000.000 đồng. Từ khi gộp chung hai khoản vay tổng cộng là 200.000.000 đồng theo hợp đồng thế chấp tài sản ngày 07/11/2022 âm lịch thì ông chưa nhận được bất kì khoản tiền lãi nào. Ông D và bà H thì cho rằng lãi suất là 2,75%/tháng, ông bà đã đóng lãi đến ngày 08/01/2024 âm lịch mỗi tháng là 5.500.000 đồng nhưng không có gì để chứng minh. Lời trình bày của ông D, bà H về số tiền lãi đã trả không được ông Ú thừa nhận và không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh nên không có cơ sở để xem xét.

Tại phiên tòa ông Ú yêu cầu bổ sung phần tiền lãi từ tháng 8/2024 đến tháng 12/2024, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự: *“Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự nếu việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu”*. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án ông Ú chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày vay đến ngày 13/8/2024. Do đó yêu cầu bổ sung của ông Ú vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên không được chấp nhận.

Yêu cầu tính lãi từ ngày vay 07/11/2022 âm lịch (30/11/2022 dương lịch) đến ngày 13/8/2024 là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Về mức lãi suất: Tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định: “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất do các bên thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cho rằng thỏa thuận lãi suất vay là 2%/tháng và bị đơn cho rằng lãi suất vay thỏa thuận là 2,75%/tháng. Hai bên thỏa thuận lãi suất không rõ ràng, không thống nhất và bị đơn có tranh chấp về lãi suất. Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất được tính là 10%/năm.

Đối với khoản vay 120.000.000 đồng lãi suất: 120.000.000 đồng x 10%/năm x 02 năm 01 tháng 08 ngày = 25.264.000 đồng (Thời gian tính lãi từ ngày 04/7/2022 (07/6/2022 âm lịch) đến ngày 13/8/2024).

Đối với khoản vay 80.000.000 đồng lãi suất: 80.000.000 đồng x 10%/năm x 01 năm 08 tháng 14 ngày = 13.644.000 đồng (Thời gian tính lãi từ ngày 30/12/2022 (07/11/2022 âm lịch) đến ngày 13/8/2024).

Tổng tiền lãi ông D và bà H phải trả cho ông Ú của hai khoản vay là 38.908.000 đồng. Ông Ú đã nhận 12.000.000 đồng nên số tiền lãi chưa thanh toán là 26.908.000 đồng.

Từ các cơ sở phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ú.

[3.3] Xét về thời gian và phương thức trả nợ: Bị đơn có yêu cầu được trả nợ làm nhiều lần, nhưng không được nguyên đơn chấp nhận. Theo khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Xét thấy việc kéo dài thời gian trả nợ sẽ thiệt thòi quyền lợi nguyên đơn. Mặt khác, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, nên yêu cầu của bị đơn không có căn cứ để xem xét. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nợ khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Ông Nguyễn Văn Ú đồng ý trả lại cho ông D, bà H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06953V-BX do UBND thị xã G cấp ngày 18/8/2008 khi ông D, bà H hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Tại phiên tòa ông D và bà H cũng thống nhất với yêu cầu trên. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Ú phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên, ông Ú là người cao tuổi nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 thì ông Ú được miễn án phí.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Võ Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên,

ông D và bà H có hoàn cảnh kinh tế khó khăn được Ủy ban nhân dân xã B xác nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Hội đồng xét xử giảm 50% tiền án phí. Do đó, ông D, bà H phải nộp 5.672.700 đồng án phí (11.345.400 đồng x 50%).

[6] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 238, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

#### **1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ú.**

Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Võ Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Ú số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) vốn gốc và 26.908.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu chín trăm lẻ tám nghìn đồng*) tiền lãi. Tổng cộng số tiền vốn và lãi là 226.908.000 đồng (*Hai trăm hai mươi sáu triệu chín trăm lẻ tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn Ú có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn D và bà Võ Thị Mỹ H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng ông Nguyễn Văn D và bà Võ Thị Mỹ H còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Văn Ú và ông Nguyễn Văn D, bà Võ Thị Mỹ H như sau: Ông Nguyễn Văn Ú trả lại cho ông Nguyễn Văn D, bà Võ Thị Mỹ H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H06953V-BX do UBND thị xã G cấp ngày 18/8/2008, khi ông D, bà H hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

**2. Về án phí sơ thẩm:** Ông Nguyễn Văn D và bà Võ Thị Mỹ H phải nộp 5.672.700 đồng (Năm triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn Ú được miễn nộp tiền án phí.

**3. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Gò Công;
- Chi cục thi hành án dân sự Tp. Gò Công;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thừa**